

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Hà Nội - Tháng 4 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HÀ NỘI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Phát triển Nhà và Đô thị Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kinh doanh Phát triển Nhà và Đô thị Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Kinh doanh Phát triển Nhà Hà Nội theo Quyết định số 756/QĐ-UB ngày 03/02/2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103008290, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ hai (02) ngày 02 tháng 5 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 16 tháng 7 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên giao dịch: Hanoi House Trading and Urban Development Joint Stock Company.

Tên viết tắt: HANDHUD

Trụ sở chính: Xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Các công ty con của Công ty

Công ty	Ngành nghề	% sở hữu thực tế	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty CP Thi công		88,48	5.309.000.000	5.309.000.000
Cơ giới Handhud	Xây lắp			
Công ty CP Kinh doanh BĐS Handhud	KD BĐS	53,00	3.180.000.000	3.180.000.000
Công ty TNHH MTV Khai thác quản lý DVĐT và TM	Dịch vụ	100,00	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng			9.489.000.000	9.489.000.000

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Duy Cương	Chủ tịch
	Bà Nguyễn Trung Hậu	Ủy viên
	Ông Nguyễn Tiến Thịnh	Ủy viên
	Ông Phạm Văn Tý	Ủy viên
	Ông Hoàng Văn Lâm	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Phạm Duy Cương	Giám đốc
	Ông Nguyễn Tiến Thịnh	Phó Giám đốc
	Ông Trần Ánh Dương	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Phạm Duy Cường

Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011
của Công ty Cổ phần Kinh doanh Phát triển Nhà và Đô thị Hà Nội

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Kinh doanh Phát triển Nhà và Đô thị Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 05/04/2011 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Phát triển Nhà và Đô thị Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyễn Quế Dương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1382/KTV
Thay mặt và đại diện

Bùi Thị Thúy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0580/KTV

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.485.725.410.235	1.089.031.385.235
I- Tiền	110	5.1	4.448.570.032	10.008.465.651
1. Tiền	111		4.426.570.032	9.986.465.651
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.000.000	22.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	3.780.000.000	1.330.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.780.000.000	1.330.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		246.396.158.063	200.492.609.265
1. Phải thu khách hàng	131		148.072.712.126	107.342.336.271
2. Trả trước cho người bán	132		30.220.981.901	19.034.009.608
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	68.102.464.036	74.116.263.386
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	1.222.155.055.415	866.029.566.563
1. Hàng tồn kho	141		1.222.155.055.415	866.029.566.563
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		8.945.626.725	11.170.743.756
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	560.844.732	659.998.664
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.6	2.108.240.858	5.447.753.996
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154	5.6	70.200.811	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	6.206.340.324	5.062.991.096
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		83.932.396.988	71.082.328.957
II Tài sản cố định	220		56.606.236.603	60.798.874.553
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	56.599.236.603	60.798.874.553
- Nguyên giá	222		74.907.580.854	76.368.758.889
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.308.344.251)	(15.569.884.336)
3. Tài sản cố định vô hình	227		7.000.000	-
- Nguyên giá	228		83.500.000	73.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(76.500.000)	(73.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	26.165.363.148	7.975.761.643
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.016.291.344	2.923.761.643
3. Đầu tư dài hạn khác	258		23.184.901.694	5.052.000.000
4. Dự phòng giảm giá ĐTTC dài hạn	259		(35.829.890)	-
V Tài sản dài hạn khác	260		1.160.797.237	2.307.692.761
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	699.476.713	2.128.745.479
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		461.320.524	178.947.282
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.569.657.807.223	1.160.113.714.192

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN		31/12/2011		01/01/2011	
		VND		VND	
A-	NỢ PHẢI TRẢ	300	1.501.773.329.834	1.106.142.977.379	
	(300 = 310+330)				
I-	Nợ ngắn hạn	310	1.029.745.262.253	1.002.123.457.362	
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311 5.11	30.157.402.935	78.612.002.980	
2.	Phải trả người bán	312	144.435.561.257	111.795.629.124	
3.	Người mua trả tiền trước	313	419.364.307.856	353.069.570.377	
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 5.12	7.488.749.536	16.179.750.714	
5.	Phải trả người lao động	315	7.124.051.602	20.282.884.878	
6.	Chi phí phải trả	316 5.13	387.746.651.939	392.767.431.876	
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 5.14	30.053.732.422	24.742.328.772	
10.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	3.374.804.707	4.673.858.641	
II-	Nợ dài hạn	330	472.028.067.581	104.019.520.017	
4.	Vay và nợ dài hạn	334 5.15	451.740.249.895	80.735.316.000	
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	574.530.762	517.217.070	
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338	19.713.286.924	22.766.986.947	
B-	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	63.834.390.628	49.380.287.644	
	(400 = 410)				
I-	Vốn chủ sở hữu	410 5.16	63.834.390.628	49.380.287.644	
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	50.207.500.000	35.862.500.000	
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413	2.902.040.909	2.902.040.909	
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	9.039.414.867	8.933.364.100	
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	1.608.081.874	1.555.056.490	
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	77.352.978	127.326.145	
C-	Lợi ích của Cổ đông thiểu số	439 5.17	4.050.086.760	4.590.449.169	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			1.569.657.807.223	1.160.113.714.192	
	(450 = 300+400+439)	450			

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội ngày 05 tháng 4 năm 2012

Giám đốc

Phùng Thị Kim Yến

Nguyễn Trung Hậu

Phạm Duy Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		219.651.251.278	366.623.463.446
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		157.963.102	5.799.221
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	219.493.288.176	366.617.664.225
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	201.920.570.367	352.547.215.701
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		17.572.717.809	14.070.448.524
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	17.807.528.997	11.424.848.820
7. Chi phí tài chính	22	5.21	18.292.101.014	102.249.805
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>18.292.101.014</i>	<i>102.249.805</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.023.935.107	4.690.363.566
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		11.064.210.685	20.702.683.973
11. Thu nhập khác	31		264.280.021	3.965.570.738
12. Chi phí khác	32		3.357.608.296	2.679.748.555
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.22	(3.093.328.275)	1.285.822.183
14 Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		57.494.406	43.202.709
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		8.028.376.816	22.031.708.865
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	5.112.409.484	7.008.267.282
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		64.268.442	(59.532.160)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.851.698.890	15.082.973.743
19. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	61		475.093.461	660.087.228
20. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (62 = 60-61)	62		2.376.605.429	14.422.886.515
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	617	4.345

Hà Nội ngày 05 tháng 4 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phùng Thị Kim Yến

Nguyễn Trung Hậu

Phạm Duy Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2011	Năm 2010
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.028.376.816	19.800.477.932
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.561.688.923	3.576.100.426
- Các khoản dự phòng	03	156.434.069	56.761.001
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.807.528.997)	(11.424.848.820)
- Chi phí lãi vay	06	18.292.101.014	102.249.805
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.231.071.825	12.110.740.344
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(73.667.079.983)	21.221.595.411
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(263.078.267.997)	(243.036.436.012)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	64.737.514.812	100.161.132.250
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.528.422.699	(1.811.562.358)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(18.292.101.014)	(102.249.805)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.067.734.071)	(3.935.073.406)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	12.000.000	10.692.500
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.612.997.784)	(7.564.513.322)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(284.209.171.513)	(122.945.674.398)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(48.166.194.955)	(2.557.399.525)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(23.849.539.255)	(195.180.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	13.899.539.255	223.850.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(24.964.170.110)	(7.281.957.593)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.867.098.306	195.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.807.528.997	11.424.848.820
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(58.405.737.762)	30.450.491.702
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	14.345.000.000	14.862.500.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	394.996.571.490	210.112.920.203
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(72.286.557.834)	(128.827.478.924)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(4.149.860.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	337.055.013.656	91.998.081.279
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(5.559.895.619)	(497.101.417)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.008.465.651	10.505.567.068
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	4.448.570.032	10.008.465.651

Hà Nội ngày 05 tháng 4 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phùng Thị Kim Yến

Nguyễn Trung Hậu

Phạm Duy Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh Phát triển Nhà và Đô thị Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Kinh doanh Phát triển Nhà Hà Nội theo Quyết định số 756/QĐ-UB ngày 03/02/2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103008290, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ hai (02) ngày 02 tháng 5 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 16 tháng 7 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội	1.836.000	18.360.000.000	51,2%
Các cổ đông khác	1.750.250	17.502.500.000	48,8%
Tổng	3.586.250	35.862.500.000	100%

Trụ sở chính: Xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân: 155 người

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư, quản lý và thực hiện các dự án đầu tư: khu đô thị, khu công nghiệp, giao thông, giao thông đô thị, thủy lợi, buro điện, cấp thoát nước, chiếu sáng, đường dây và trạm biến áp, thể dục thể thao, văn hoá, vui chơi giải trí;
- Kinh doanh nhà, đất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh thương mại, du lịch: vui chơi giải trí, thể thao, khách sạn (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán Bar), quản lý và khai thác chợ, dịch vụ thương mại;
- Cho thuê nhà, văn phòng, kho tàng bến bãi, tài sản thiết bị kỹ thuật;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá đường bộ;
- Xây lắp nội ngoại thất các công trình nhà ở, khu đô thị, dân dụng, công nghiệp, giao thông, buro điện, thể dục thể thao, vui chơi giải trí và trang trí nội ngoại thất các công trình;
- Xây lắp, lắp đặt các công trình điện: đường dây, trạm biến áp, chiếu sáng;
- Xây lắp và lắp đặt các công trình văn hoá;
- Cải tạo, trùng tu các công trình văn hoá, di tích lịch sử: đình, đền, chùa, lăng tẩm, miếu;
- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, san lấp mặt bằng, giao thông đô thị, thủy lợi, viễn thông, điện, cấp thoát nước, xây dựng và lắp đặt trạm cung cấp nước sạch, cây xanh;
- Lập các dự án đầu tư, tư vấn đầu tư xây dựng, dịch vụ tư vấn nhà đất, thông tin môi giới nhà đất (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Tư vấn thiết kế thi công nội, ngoại thất các công trình; dân dụng, công nghiệp, giao thông, giao thông đô thị, thủy lợi, buro điện, viễn thông, cấp thoát nước, chiếu sáng, đường dây và trạm biến áp, thể dục thể thao, công trình vui chơi, giải trí;
- Thẩm tra, thẩm định dự án đầu tư và thiết kế kỹ thuật thi công, quyết toán các công trình xây dựng;
- Tổ chức thực hiện dịch vụ trông giữ và cho thuê các phương tiện xe đạp, xe máy, ô tô ngày và đêm;
- Lắp đặt các loại hệ thống thiết bị điện lạnh, chiếu sáng, âm thanh, điều hòa không khí, thông gió cho các loại công trình dân dụng, văn hóa và công nghiệp;
- Lắp đặt các loại cửa, cửa tự động, trang thiết bị điện tử, hệ thống an ninh, hệ thống phòng cháy, chữa cháy sử dụng công nghệ cao cho các loại công trình dân dụng, văn hóa và công nghiệp.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản bao gồm: Sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp thực tế đích danh. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2011</u>
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	08 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 06
Phương tiện vận tải	06 - 10
Tài sản khác	03 - 06

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	3.844.238.624	8.066.623.274
Tiền gửi Ngân hàng	582.331.408	1.919.842.377
Các khoản tương đương tiền	22.000.000	22.000.000
Tổng	4.448.570.032	10.008.465.651

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - CN Thanh Trì	1.000.000.000	-
Công ty CPĐT và PT Nhà Số 6 Hà Nội	-	1.330.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân	2.780.000.000	-
Tổng	3.780.000.000	1.330.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN/HN

5.3 Phải thu khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam	10.704.027.774	15.628.988.474
Công ty TNHH XDCT Hoàng Hà	389.093.384	986.497.661
Cty CPKDPT nhà & ĐT Hà Nội số 5	-	17.548.750.000
Cty CPKDPT nhà & ĐT Hà Nội số 8 (*)	34.570.981.485	28.715.066.667
Công ty CP Bất động sản Handhud (*)	1.691.136.434	-
Cty CPKDPT nhà & ĐT Hà Nội số 6	318.220.833	48.397.222
Thu vượt khoán và phải thu khác	20.429.004.126	11.188.563.362
Tổng	68.102.464.036	74.116.263.386

(*) : là các Hợp đồng cho vay thời hạn dưới 1 năm tài chính, có tính lãi suất.

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.305.228.216	1.318.110.907
Công cụ, dụng cụ	8.849.000	24.740.076
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.179.877.974.443	864.686.715.580
Hàng hóa bất động sản	40.963.003.756	-
Tổng	1.222.155.055.415	866.029.566.563

5.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	444.995.277	548.977.311
Chi phí khác	115.849.455	111.021.353
Tổng	560.844.732	659.998.664

5.6 Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.108.240.858	5.447.753.996
Thuế giá trị gia tăng tạm nộp tại CN HCM	70.000.000	-
Tổng	2.178.441.669	5.447.753.996

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	6.206.340.324	5.000.420.346
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	62.570.750
Tổng	6.206.340.324	5.062.991.096

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

Năm 2011	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư tại 01/01	61.860.952.963	7.335.244.872	5.870.296.179	963.098.078	339.166.797	76.368.758.889
Tăng trong năm	174.732.121	552.597.695	-	124.275.455	135.449.999	987.055.270
Mua trong năm	174.732.121	102.345.455	-	75.516.364	135.449.999	488.043.939
Phân loại tài sản	-	450.252.240	-	48.759.091	-	499.011.331
Giảm trong năm	-	1.810.948.791	-	187.032.274	450.252.240	2.448.233.305
Thanh lý, nhượng bán	-	1.762.189.700	-	187.032.274	-	1.949.221.974
Phân loại tài sản	-	48.759.091	-	-	450.252.240	499.011.331
Số dư tại 31/12	62.035.685.084	6.076.893.776	5.870.296.179	900.341.259	24.364.556	74.907.580.854
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư tại 01/01	6.920.114.283	4.142.846.567	3.803.165.830	636.629.957	67.127.699	15.569.884.336
Tăng trong năm	2.248.146.337	1.515.564.685	1.059.030.387	191.058.963	23.006.635	5.036.807.007
Khấu hao trong năm	2.248.146.337	484.406.577	629.599.004	173.030.370	23.006.635	3.558.188.923
Phân loại tài sản	-	69.591.373	-	-	-	69.591.373
Tăng khác	-	961.566.735	429.431.383	18.028.593	-	1.409.026.711
Giảm trong năm	-	1.843.971.469	197.751.976	187.032.274	69.591.373	2.298.347.092
Phân loại tài sản	-	-	-	-	69.591.373	69.591.373
Thanh lý, nhượng bán	-	1.762.189.700	-	187.032.274	-	1.949.221.974
Giảm khác	-	81.781.769	197.751.976	-	-	279.533.745
Số dư tại 31/12	9.168.260.620	3.814.439.783	4.664.444.241	640.656.646	20.542.961	18.308.344.251
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại 01/01	54.940.838.680	3.192.398.305	2.067.130.349	326.468.121	272.039.098	60.798.874.553
Tại 31/12	52.867.424.464	2.262.453.993	1.205.851.938	259.684.613	3.821.595	56.599.236.603

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.9 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	3.016.291.344	2.923.761.643
Đầu tư dài hạn khác	23.184.901.694	5.052.000.000
<i>Công ty CP Bất động sản Handhud</i>	<i>900.000.000</i>	<i>900.000.000</i>
<i>Công ty CP KDPT Nhà và ĐT Hà Nội số 5 (1)</i>	<i>750.000.000</i>	<i>750.000.000</i>
<i>Công ty CP KDPT Nhà và ĐT Hà Nội số 8 (1)</i>	<i>1.050.000.000</i>	<i>1.050.000.000</i>
<i>Công ty CP KDPT Nhà và ĐT Hà Nội số 6 (1)</i>	<i>750.000.000</i>	<i>750.000.000</i>
<i>Công ty CP KDPT Nhà và ĐT Hà Nội số 1 (1)</i>	<i>852.000.000</i>	<i>852.000.000</i>
<i>Công ty CP KDPT Nhà và ĐT Hà Nội số 3 (1)</i>	<i>750.000.000</i>	<i>750.000.000</i>
<i>Công ty CP KDPT Nhà và ĐT Hà Nội số 8 (2)</i>	<i>18.132.901.694</i>	<i>-</i>
Dự phòng đầu tư dài hạn	(35.829.890)	-
Tổng	26.165.363.148	7.975.761.643

(1): Thông tin về các khoản đầu tư dài hạn khác: Tại thời điểm 31/12/ 2011, Công ty sở hữu 15% vốn điều lệ của các công ty này.

(2): Là các hợp đồng cho vay vốn có thời hạn trên 1 năm, lãi tính theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm.

Thông tin về công ty liên kết

Công ty	Ngành nghề	Vốn điều lệ	% sở hữu thực tế	% sở hữu theo cam kết
Công ty CP Đầu tư & XDCT Đô thị	Xây lắp	11.500.000.000	25%	25%

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	263.338.738	186.368.585
Chi phí sửa chữa nhà	180.137.975	-
Tiền thuê Văn phòng	-	1.686.376.894
Chi phí trả trước dài hạn khác	256.000.000	256.000.000
Tổng	699.476.713	2.128.745.479

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN/HN

5.11 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	25.713.990.482	24.924.165.451
Công ty CP KKDPT Nhà và Đô thị số 3	3.138.774.151	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân	2.312.153.340	
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	5.000.000.000
Ngân hàng Seabank - CN Đống Đa	4.757.463.896	4.969.000.000
Vay cá nhân	15.505.599.095	14.955.165.451
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.443.412.453	53.687.837.529
Quỹ Đầu tư Phát triển TP Hà Nội	4.443.412.453	8.687.837.529
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	45.000.000.000
Tổng	30.157.402.935	78.612.002.980

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.618.446.868	678.322.491
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.155.465.239	5.110.789.826
Thuế thu nhập cá nhân	691.625.964	187.953.300
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	9.679.693.000
Các loại thuế khác	22.984.665	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	226.800	522.992.097
Tổng	7.488.749.536	16.179.750.714

5.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí trích trước như giải phóng mặt bằng, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, hạ tầng kỹ thuật và các chi phí khác của Văn phòng Công ty và các Xí nghiệp, Dự án.

5.14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	239.643.264	118.455.434
Bảo hiểm xã hội	435.680.211	216.902.272
Bảo hiểm y tế	117.225.777	98.096.152
Bảo hiểm thất nghiệp	57.854.422	33.151.963
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	653.154.665
Phải trả cổ phần hóa	1.320.000	1.320.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.202.008.748	23.621.248.286
<i>Tổng Công ty ĐT và PT Nhà Hà Nội</i>	<i>2.190.857.789</i>	<i>5.669.468.189</i>
<i>Công ty TNHH XDCT Hoàng Hà</i>	<i>7.693.134.429</i>	<i>7.439.134.429</i>
<i>Nguyễn Thị Liên Chi</i>	<i>3.500.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>15.818.016.530</i>	<i>10.512.645.668</i>
Tổng	30.053.732.422	24.742.328.772

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN/HN

5.15 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn		
Quỹ Đầu tư Phát triển TP Hà Nội (1)	4.443.412.453	8.687.837.529
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (2)	446.604.933.895	120.600.000.000
Tổng Công ty ĐT và PT Nhà Hà Nội	2.843.316.000	2.843.316.000
Vay cá nhân	2.292.000.000	2.292.000.000
Tổng	456.183.662.348	134.423.153.529
Vay dài hạn đến hạn trả	4.443.412.453	53.687.837.529
Quỹ Đầu tư Phát triển TP Hà Nội	4.443.412.453	8.687.837.529
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	45.000.000.000
Số dư vay dài hạn	451.740.249.895	80.735.316.000

(1): Hợp đồng số 09/2007/ HĐTD ngày 06/9/2007 với Quỹ Đầu tư Phát triển thành phố Hà Nội, số tiền vay là 10 tỷ đồng, thời hạn cho vay 30 tháng, mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư xây dựng nhà lô 26A - Dự án ĐTXD chung cư cao tầng 21.NO tại phường Đại Kim, phường thứ cho vay: vay theo dự án đầu tư; Hợp đồng số 14/2007/ HĐTD ngày 24/12/2007 với Quỹ Đầu tư Phát triển thành phố Hà Nội, số tiền vay là 5 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 24 tháng, mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư xây dựng nhà lô 27 - Dự án ĐTXD chung cư cao tầng 21.NO tại phường Đại Kim, lãi suất cho vay đều là 0,6%/tháng tại thời điểm ký hợp đồng.

(2.1): Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 012.10.00562 ngày 21/12/2010, số tiền vay 185 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn hỗ trợ đền bù, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng đường 2.5. Thời hạn vay: 36 tháng từ 21/12/2010 đến 21/12/2013. Lãi suất vay trong hạn: được thỏa thuận cụ thể trong từng giấy nhận nợ của mỗi lần giải ngân theo nguyên tắc lãi suất tiết kiệm cá nhân 13 tháng + biên độ. Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất các khoản phải thu từ dự án KĐT mới mở rộng phía Bắc và Tây Bắc Đại Kim - Đình Công; quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất các khoản phải thu từ dự án KĐT Cầu Bươu - Hà Nội, tổng giá trị tài sản đảm bảo là 12.135.413.000.000 đồng.

(2.2): Hợp đồng tín dụng trung hạn số 012.11.00003 ngày 07/01/11, Số tiền vay là 343 tỷ đồng. Mục đích vay: đầu tư xây dựng dự án " khu nhà ở để bán cho CBCNV liên cơ quan huyện Thanh Trì". Thời hạn vay: 42 tháng. Lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân, được ghi trong từng khế ước nhận nợ cụ thể và được điều chỉnh theo thông báo của Seabank phù hợp với quy định của NHNN và cơ chế lãi suất của Seabank trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo được thống nhất tạm định giá là 1.385.325.394.156 đồng theo HĐ thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trong tương lai số 012.11.00003 ngày 7/1/11 giữa Seabank Đông Đa và Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN/HN

5.16 Vốn chủ sở hữu**Vốn điều lệ**

Cổ đông	Cổ phần	Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận ĐKKD		Vốn thực tế đã góp đến ngày 31/12/2011	
		VND	%	VND	%
Tổng Công ty ĐT và PT Nhà Hà Nội	1.836.000	18.360.000.000	51,20	25.704.000.000	51,20
Các cổ đông khác	1.750.250	17.502.500.000	48,80	24.503.500.000	48,80
Tổng	3.586.250	35.862.500.000	100	50.207.500.000	100

Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	35.862.500.000	21.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	14.345.000.000	14.862.500.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	50.207.500.000	35.862.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	7.172.500.000

Cổ phiếu

	Năm 2011 Cổ phiếu	Năm 2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.434.500	1.486.250
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.434.500	1.486.250
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.020.750	3.586.250
Cổ phiếu phổ thông	5.020.750	3.586.250

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/CP

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

	Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu					<i>Đơn vị tính: VND</i>
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2010	21.000.000.000	2.902.040.909	7.923.684.988	762.469.673	(2.078.861.852)	30.509.333.718
Tăng trong năm	14.862.500.000	-	1.325.805.090	792.586.817	16.375.818.687	33.356.710.594
Tăng vốn	14.862.500.000	-	-	-	-	14.862.500.000
Trích quỹ	-	-	1.296.842.725	778.105.635	-	2.074.948.360
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	14.422.886.515	14.422.886.515
Tăng khác	-	-	28.962.365	14.481.182	1.952.932.172	1.996.375.719
Giảm trong năm	-	-	316.125.978	-	14.169.630.690	14.485.756.668
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	5.795.927.250	5.795.927.250
Chia cổ tức	-	-	-	-	7.172.500.000	7.172.500.000
Chia lãi liên kết	-	-	-	-	222.428.864	222.428.864
Giảm khác	-	-	316.125.978	-	978.774.576	1.294.900.554
Số dư tại 31/12/2010	35.862.500.000	2.902.040.909	8.933.364.100	1.555.056.490	127.326.145	49.380.287.644
Số dư tại 01/01/2011	35.862.500.000	2.902.040.909	8.933.364.100	1.555.056.490	127.326.145	49.380.287.644
Tăng trong năm	14.345.000.000	-	106.050.767	53.025.384	2.376.605.429	16.880.681.580
Tăng vốn	14.345.000.000	-	-	-	-	14.345.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.376.605.429	2.376.605.429
Tăng khác	-	-	106.050.767	53.025.384	-	159.076.151
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.426.578.596	2.426.578.596
Giảm khác	-	-	-	-	2.426.578.596	2.426.578.596
Số dư tại 31/12/2011	50.207.500.000	2.902.040.909	9.039.414.867	1.608.081.874	77.352.978	63.834.390.628

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN/HN

5.17 Lợi ích của Cổ đông thiểu số

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của cổ đông thiểu số	3.511.000.000	3.511.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	86.210.180	3.769.635
Quỹ dự phòng tài chính	43.105.090	1.884.818
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.971.490	650.794.716
Cổ tức phải trả cho cổ đông thiểu số	394.800.000	423.000.000
Tổng	4.050.086.760	4.590.449.169

5.18 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	18.920.747.446	62.140.581.067
Doanh thu bán nhà, hạ tầng	185.686.784.407	275.772.660.348
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.043.719.425	10.451.110.340
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	18.259.111.691
Tổng	219.651.251.278	366.623.463.446

Giảm giá hàng bán	157.963.102	5.799.221
-------------------	-------------	-----------

Doanh thu thuần	219.493.288.176	366.617.664.225
------------------------	------------------------	------------------------

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	16.471.879.539	60.123.237.253
Giá vốn bán nhà, hạ tầng	177.215.803.451	270.393.138.667
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.232.887.377	8.093.339.781
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	13.937.500.000
Tổng	201.920.570.367	352.547.215.701

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.157.229.651	10.886.113.634
Lãi đầu tư trái phiếu, cổ tức, lợi nhuận được chia	650.299.346	538.735.186
Tổng	17.807.528.997	11.424.848.820

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.21 Chi phí tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	18.292.101.014	102.249.805
Tổng	18.292.101.014	102.249.805

5.22 Thu nhập/ chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập khác		
Phí chuyển nhượng hợp đồng	-	1.537.974.455
Thu phạt hợp đồng	-	2.078.319.818
Lãi chậm nộp	-	269.156.123
Thu nhập khác	264.280.021	80.120.342
Tổng	264.280.021	3.965.570.738
Chi phí khác		
Phạt chậm nộp thuế	3.018.290.720	-
Chi phí khác	339.317.576	2.679.748.555
Tổng	3.357.608.296	2.679.748.555
Thu nhập khác thuần	(3.093.328.275)	1.285.822.183

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành là tổng hợp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh tại Công ty mẹ và công ty con.

5.24 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.376.605.429	14.422.886.515
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(222.428.864)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.376.605.429	14.200.457.651
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.849.934	3.268.076
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	617	4.345

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2011</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2010</u> <u>VND</u>
Hội đồng Quản trị và Ban điều hành	Tiền lương, thưởng và thù lao Hội đồng Quản trị	1.613.798.089	1.547.925.953

Giao dịch với các bên liên quan khác

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2011</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2010</u> <u>VND</u>
Giao dịch bán hàng				
Công ty CPĐT Xây dựng công trình Đô thị Hà Nội	Công ty liên kết	Cho thuê VP và phí sử dụng nhãn hiệu	628.670.667	571.166.667
Giao dịch mua hàng				
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng CT Đô thị	Công ty liên kết	Tiền khối lượng	101.594.603.089	148.188.681.084

Số dư với các bên liên quan khác

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2011</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2011</u> <u>VND</u>
Các khoản phải thu				
Công ty TNHH Xây dựng công trình Hoàng Hà	Công ty liên kết	Phải thu KH	39.607.200.547	36.404.192.000
		Phải thu khác	389.093.384	986.497.661
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng CT Đô thị	Công ty liên kết	Phải thu khác	35.000.000	-
Các khoản phải trả				
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội	Công ty mẹ	Phải trả khác	-	3.672.000.000
		Vay	2.843.316.000	2.843.316.000
		Lãi vay	2.190.857.789	1.997.468.189
Công ty TNHH Xây dựng công trình Hoàng Hà	Công ty liên kết	Phải trả lãi liên kết, khác	12.634.585.789	10.917.199.429
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng CT Đô thị	Công ty liên kết	Phải trả khác	83.019.126	156.477.226
		Phải trả người bán	28.358.759.571	19.704.116.792

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN/HN

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội ngày 05 tháng 4 năm 2012

Giám đốc

Phùng Thị Kim Yến

Nguyễn Trung Hậu

Phạm Duy Cường